TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/10/2019
"*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Võ Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Đăng Văn Ngư– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K H, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông - vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị K H *trình bày*:

Tôi và anh Dương Văn T đến và chung sống với nhau từ năm 2014 khi đến chúng tôi sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc chúng tôi và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ; Trong thời gian chung sống với nhau chúng tôi hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến khi tôi sinh con năm 2015 thì sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên chửi mắng tôi thậm tệ không rõ lý do và chúng tôi đã ly thân nhau từ năm dầu năm 2017 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn và đã sống lý thân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, cháu Dương Trần Duy Kh, sinh ngày 19/7/2015. Hiện nay cháu đang ở với tôi anh T. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh T, tôi xin là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Tài sản chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho tôi số tiền là 55.000.000 đồng;

Nợ chung: không nợ nần gì ai.

Về án phí tôi xin chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Vòa năm 2014 anh T và chị H tự nguyên đến chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn. Đến năm 2017 chị H ở ngoài quê có tổ chức đám cưới cho em chị H và thời điểm đó cúng muốn cai sữa cho con nên tôi ở lại còn chị H về quê. Từ khi chị H về quê và chị H không vào nên chúng tôi đã ly thân từ đo cho đến nay; Chị H trình bày đánh đập, bạo lực với chị H là không có sự việc như trên; Chị H làm đơn xin ly hôn với lý do như trên tôi không đồng ý ly hôn với chị H

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, cháu Dương Trần Duy Kh, sinh ngày 19/7/2015. Hiện nay cháu đang ở với tôi.Nếu chị H cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho tôi và chị H ly hôn thì con chung tôi xin là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu;

Đối với yêu cầu của chị H yêu cầu tôi trả số tiền cho chị H là 55.000.000 đồng thì tôi không đồng ý; tôi không vay mượn gì từ chị H;

Nợ chung: Không nợ chung nên không yêu cầu

Tại phiên tòa ngày hôm nay: nguyên đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Dương Văn T, con chung đồng ý giao cho anh T là người trực tiếp trông coi chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành; đối với tài sản chung: rút toàn bộ yêu cầu về tài sản chung. Bị đơn anh Dương Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 217; Điều 218 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với Dương Văn T; giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng; rút yêu

cầu chia tài san chung đối với số tiền là 55.000.000 đồng nên cần xét giải quyết cho ly hôn và giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến tuổi trưởng thành; đối với yêu cầu số tiền là 55.000.000 đồng nguyên đơn rút nên cần đình chỉ là có căn cứ. Nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn và Áp dụng nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết nhưng phía bị đơn có lên Tòa án làm việc một lần sau đó không hợp tác không chịu lên Tòa án làm việc, Tòa án đã tiền hành niêm yết các thủ tục tố tụng; bị đơn không hợp tác nên tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn anh Dương Văn T có địa chỉ: Thôn B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị K H trình bày chị H và anh T đến chung sống với nhau từ năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T theo số 39/2019 ngày 22/10/2014 và giấy khai sinh con chung. Do mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2017 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Dương Văn T.

Nhận định của hội đồng xét xử như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đến chung sống với nhau từ năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T theo số 39/2019 ngày 22/10/2014 là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị K H và anh Dương Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Chị Trần Thị K H nộp đơn xin ly hôn với anh T cho rằng giữa chị và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, cãi vã nhau, đánh đập nhau,vợ chồng không tìm ra được tiếng nói chung nên đã ly thân từ tháng 1 năm 2017 cho đến nay. Điều này cho thấy: " Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được" nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và anh T.

[3]Trong thời gian chị H và anh T chung sống với nhau có con chung gồm: cháu Dương Trần Duy Kh, sinh ngày 19/7/2015. Sau khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu cho anh T là trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Phù hợp với lời trình bày của anh T làm muốn được nuôi con chung và hiện nay cháu đang ở với anh T nên HĐXX cần giao con chung giữa chị H và anh T cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Còn về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H yêu cầu anh Dương Văn T phải trả cho chị số tiền là 55.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết chị H đã rút yêu cầu này nên HĐXX cần đình chỉ và không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị K H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203,Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56,81,82,83,84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K H với anh Dương Văn T.

Chị Trần Thị K H được ly hôn với anh Dương Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2014 ngày 22/10/2014 tại UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trần Duy Kh, sinh ngày 19/7/2015 cho anh Dương Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Do nguyên đơn rút yêu cầu nên đình chỉ không xem xét giải quyết

5. Nợ chung: không nợ nần ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Buộc chị Trần Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền là 1.375.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số 0000571 ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại Chị cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Trả lại cho chị Trần Thị K H số tiền là 1.075.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- VKSND huyện;
- THA huyện T Đ
- UBND xã Q T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Phạm Văn Quân